

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Trong tiến trình vận động của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu giữ một vị trí rất quan trọng. Ông là nhà văn có ảnh hưởng sâu rộng đối với sự phát triển của văn học dân tộc nói chung, văn học Nam bộ nói riêng.

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822 (Nhâm Ngọ) tại Gia Định. Tên chữ của ông là Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phủ và Hối Trai.

Thân phụ của Nguyễn Đình Chiểu là Nguyễn Đình Huy, nguyên quán ở huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyễn Đình Huy từng phục vụ dưới trướng Tả quân Lê Văn Duyệt trong nhiều năm; từ lúc tướng quân họ Lê còn làm quan ở kinh đô cũng như khi được điều vào làm Tổng trấn Gia Định. Sau khi Lê Văn Duyệt chết, vào thời điểm nổ ra cuộc bạo động chống lại triều đình do Lê Văn Khôi (vị con nuôi của quan Tổng trấn) cầm đầu vào năm 1833, Nguyễn Đình Huy sợ bị liên lụy phải bỏ cả gia đình chạy về kinh. Một thời gian sau đó, ông trở về Nam tìm cách đưa Nguyễn Đình Chiểu ra Huế và gửi nhờ gia đình một người quen.

Sau một thời gian khá dài nương náu ở Huế, năm 1840, Nguyễn Đình Chiểu quay về Gia Định sống với mẹ (bà Trương Thị Thiệt, vợ lẽ của Nguyễn Đình Huy) và dùi mài kinh sử chờ ngày thi. Khoa Kỷ Mão (1843), Nguyễn Đình Chiểu đậu Tú tài ở trường thi Gia Định. Năm đó ông mới ngoài hai mươi tuổi. Ba năm sau, ông ra Huế chờ dự kì thi Kỷ Dậu (1849), nhưng chưa kịp dự thi thì nhận được tin mẹ mất, phải trở về Nam để cư tang. Trên đường hồi Nam, ông ốm nặng, sau đó bị mù.

Trong khoảng thời gian từ 1853 - 1854, ông sống tại Gia Định cùng với vợ (bà Lê Thị Điền); mãi cho đến khi thành này thất thủ vào tay người Pháp thì ông về trú ngụ tại làng Thanh Ba, Cần Giuộc (nay thuộc tỉnh Long An). Kể từ 1862 trở đi, khi triều Nguyễn ký Hiệp ước cắt 3 tỉnh miền Đông

cho Pháp thì ông cùng gia đình lại chuyển đến Ba Tri (nay thuộc tỉnh Bến Tre).

Nguyễn Đình Chiểu là bậc trí thức có uy tín, có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống cộng đồng. Ông được coi là một trong những người chủ xướng phong trào yêu nước chống Pháp vùng Nam bộ (làm mưu sĩ cho các thủ lĩnh kháng chiến, phát động những cuộc di tản, "tị địa" để tẩy chay kẻ thù xâm lược..), mở trường dạy học, làm thuốc trị bệnh cứu người, sáng tác văn chương truyền bá đạo lý... Mặc dù bị mù lòa bệnh tật, song con người đó đã không cam chịu, không chấp nhận số phận mà tìm cách vượt lên, làm những việc hữu ích cho xã hội. Ông trở thành kẻ hướng đạo và chạy chữa cho mọi người với một niềm tin tưởng sắt đá vào sự chiến thắng của chính nghĩa, của cái thiện. Nguyễn Đình Chiểu là danh nhân văn hóa của dân tộc. Ông đã đạt được thành quả lao động xuất sắc trên nhiều lĩnh vực khác nhau: giáo dục, y học và văn học.

Trên cương vị người thầy, Nguyễn Đình Chiểu đã đào luyện được nhiều thế hệ học trò có phẩm chất tốt. Đạo đức, uy vọng của ông đã thấm sâu vào các môn sinh, góp phần hun đúc "nguyên khí" cho vùng đất mới phương Nam. Với tư cách nhà văn, ông đã có những đóng góp quan trọng cho văn học dân tộc bằng sự nghiệp trứ tác của mình. Ngay cả trong lĩnh vực y học, ông cũng đạt được nhiều thành tựu xuất sắc. Tác phẩm *Ngũ Tiêu y thuật vấn đáp* là một hiện tượng lạ trong kho tàng y văn truyền thống của dân tộc. Cuốn sách này chứa đựng nhiều điều khiến ta phải ngạc nhiên, thán phục về tầm quảng bác, sự uyên thâm của tác giả. Đây rõ là một tác phẩm văn học nhưng lại cũng là một cuốn sách thuốc rất độc đáo. Nó không chỉ chứa đựng một quan niệm tiên bộ về đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, mà còn tỏ rõ sự thông hiểu, am tường rất mực của ông trong nghề thuốc. Không hiểu ông đã kịp tích lũy được một khối lượng tri thức y học hết sức phong phú như vậy (gồm cả kinh nghiệm chữa bệnh dân gian, y văn Việt Nam và Trung Quốc) vào lúc nào để có thể tập hợp, trình bày cặn kẽ trong cuốn sách đồ sộ đến thế. Bởi từ năm 27 tuổi ông đã bị mù, đến 38 tuổi thì bị cuốn vào cảnh tao loạn, điều kiện để tiếp xúc với sách vở, tài liệu rõ ràng là rất hạn chế. Chỉ riêng điều đó cũng có thể thấy cái quyết tâm, nghị lực phi thường của ông trong cuộc sống. Cái mục đích học tập, tu luyện của Nguyễn Đình Chiểu thật đáng trân trọng. Bài học đầu tiên về Nguyễn Đình Chiểu chính là bài học về cách sống. Sự sống là điều quý giá nhất, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải biết quý trọng và gìn giữ nó; phải biết vượt qua mọi bế tắc tuyệt vọng để giành lấy một cuộc sống đẹp, có ích.

Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng về lòng yêu quê hương đất nước. Tình nghĩa dân quốc sâu nặng đã trở thành một "phẩm chất" của con người này. Cũng vì thế mà ông đặc biệt nhạy cảm trước mọi vấn đề thuộc về đời sống chính trị xã hội và biết cách xử lý các tình huống đúng đắn, chính xác. Vào thời điểm cả nước đang xao xác vì cái tin triều đình ký hiệp ước nhường đất Nam Kỳ, Nguyễn Đình Chiểu, với trực cảm của một nhà Nho chân chính, suốt đời gắn bó với đất nước quê hương, đã ngay lập tức nhận ra sai lầm của nhà cầm quyền. Suy nghĩ về sứ mạng kẻ sĩ, trách nhiệm con dân của ông rất rõ ràng: "*Mến nghĩa bao đành làm phản nước/ Có nhân sao nỡ phụ tình nhà?*". Cái đạo lý lớn lao nhất, có ý nghĩa nhất ở đời là "đạo" yêu nước, là đại nghĩa; cho nên ông không chấp nhận lối hành xử bạc nhược của triều đình. Cắt đứt cho giặc là bỏ nước, cũng có nghĩa là bất nhân phi nghĩa. Đây chính là nguyên do khiến ông kiên quyết đứng về phe chủ chiến, khởi xướng phong trào "tị địa". Bước đường phiêu bạt của ông hòa vào dòng người bồng bế dắt díu nhau rời khỏi quê hương đã thể hiện rất rõ thái độ "bất cộng đái thiên" đối với kẻ thù; mặt khác, nó cũng chứng tỏ tấm lòng son sắt của ông đối với đất nước. Lòng yêu nước đã soi rọi cho bước chân của người trí thức mù loà hòa nhập vào đúng xu hướng tiến lên của lịch sử. Vào thời điểm ấy, cả dân tộc được đặt trước ngã ba, ngã bảy của sự lựa chọn. Lối đi mà Nguyễn Đình Chiểu đã chọn: cùng với nhân dân chống Pháp xâm lược, chống triều đình bán nước cũng chỉ là một. Và lịch sử đã chứng minh tính đúng đắn của sự lựa chọn này.

2. Tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu

Di sản văn chương của Nguyễn Đình Chiểu để lại cho hậu thế rất phong phú. Tuy nhiên, do sớm bị mù lòa, ông sáng tác trong điều kiện hết sức khó khăn; không thể tự mình viết, phải dựa chủ yếu vào trí nhớ để làm ra tác phẩm rồi nhờ người thân ghi chép lại. Công việc sáng tạo nghệ thuật theo phương thức này rõ ràng là đầy cực nhọc và kém hiệu quả. Trước hết là những khó khăn trong khâu chỉnh sửa, hoàn thiện tác phẩm. Đối với Nguyễn Đình Chiểu thì đây là công đoạn tốn nhiều công sức nhất và trở ngại do vậy cũng sẽ lớn hơn rất nhiều so với các tác giả khác. Điều này rõ ràng có ảnh hưởng đến độ trau chuốt, sự tinh xảo (nhất là về mặt ngôn từ) của tác phẩm. Ngoài ra, cũng vì ông không để lại thủ bút cho nên việc nghiên cứu, tiếp nhận tác phẩm rất khó khăn. Từ trước tới nay, việc xử lý văn bản tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu luôn là một thách đố đặt ra cho giới nghiên cứu.

Sự nghiệp trữ tác của Nguyễn Đình Chiểu gồm hai mảng chủ yếu: các bài thơ, văn tế và các truyện thơ Nôm. Mặc dù chúng được sáng tác trong

nhiều thời điểm, đề cập đến những vấn đề khác nhau của đời sống xã hội thế nhưng lại rất nhất quán, rất thống nhất về cảm hứng chủ đạo, về tư tưởng nghệ thuật. Có thể gọi đó là sự quán xuyên của tư tưởng "nhân nghĩa Nguyễn Đình Chiểu" - một giá trị tinh thần độc đáo mà nhà văn đã thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật của mình. Tư tưởng này thấm đẫm trong tất cả mọi tác phẩm, từ các bài thơ, văn tế cho đến những truyện thơ quy mô lớn. Các dạng thức biểu hiện tuy khác nhau song cái cốt lõi chỉ là một. Có khi nhà văn tập trung vào việc biểu dương cái thiện, đấu tranh chống lại cái ác trong phạm trù đạo đức xã hội; lại có khi ông tập trung vào việc biểu dương lòng yêu quê hương xứ sở, đất nước ông bà; đấu tranh chống lại những kẻ độc ác làm hại nhân dân, những biểu hiện thuộc phạm trù chính trị xã hội. Biện chứng trong tư tưởng của tác giả là: Bời chùng hay ghét cũng là hay thương. Ông đã dồn hết tất cả nỗi căm phẫn, khinh ghét của mình (ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm) vào những gì làm hại dân. Cái chuẩn đề ông bộc bạch thái độ yêu ghét của mình là vì dân. Cái độc đáo, nét khu biệt trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu là ở đó.

Nguyễn Đình Chiểu ý thức rất rõ trách nhiệm, sứ mạng của người cầm bút. Điều này được ông khái quát trong câu thơ bất hủ, mang ý nghĩa một tuyên ngôn nghệ thuật: *Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*. Đây cũng là tư tưởng bao trùm, có ý nghĩa xuyên suốt trong mọi tác phẩm của ông.

2.1. Thơ, văn tế

Căn cứ vào tư liệu hiện có, số lượng các bài thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu không nhiều. Tất cả chỉ gồm 46 đơn vị tác phẩm: 1 bài hịch (*Thảo thử hịch*), 1 bức thư (*Ký bào đệ thơ*); 3 bài văn tế (*Tế Cần Giuộc sĩ dân trận vong văn, Điều Trương tướng quân văn, Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn*) còn lại là các bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật (trong đó có 2 bài liên hoàn: *Điều Trương tướng quân liên hoàn thập nhị thủ* và *Điều Ba Tri đốc binh Phan công trận vong thập thủ*).

Danh mục tác phẩm nêu trên cho ta thấy chủ đề trong thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu rất tập trung. Phần lớn sáng tác của ông đều hướng đến việc ngợi ca những gương anh hùng nghĩa sĩ quên thân vì đại nghĩa, nổi xót xa trước cảnh đất nước bị họa xâm lăng và lòng căm giận kẻ thù xâm lược. Đây cũng là phần đóng góp xuất sắc của ông vào dòng văn học yêu nước - dòng chủ lưu của văn học Việt Nam giai đoạn này.

Trong mảng thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu thì các khúc ca bi tráng về những con người nghĩa dũng buổi đầu kháng Pháp là những áng văn chương có giá trị nổi bật nhất. Với nhóm tác phẩm này, lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam, hình tượng người anh hùng kiêu mới của thời đại đã xuất hiện và đi vào bất tử. Đó là các lãnh tụ của phong trào chống giặc giữ nước, bảo vệ dân lành:

Làm người trung nghĩa đáng bia son
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn
Cơm áo đèn rồi ơn đất nước
Râu mày giữ vẹn phận tôi con
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết
Khí phách ngàn thu rở núi non
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ
Lòng đây tưởng đó mắt như còn

(Điếu Ba Tri đốc binh Phan công trận vong thập thủ, bài X)

Những bậc nghĩa dũng như Trương Định, Phan Tôn, Hồ Huân Nghiệp... đúng là những nhân cách cao cả, đã tỏa sáng trong một giai đoạn lịch sử đầy cam go của dân tộc. Họ tôn thờ đạo lý, coi trọng cương thường, nhưng không phải là người cố chấp, câu nệ. Khi phải đối mặt với thực tế nghiệt ngã, cần lựa chọn, họ dám khẳng khái kháng chỉ, trái mệnh vua để "theo bụng dân" chống xâm lược, chống đầu hàng. Trước cơn vận ách của nước nhà, bậc sĩ phu sẵn sàng đứng ra gánh vác trọng trách với tâm niệm: *Vì nước tâm thân đã gửi còn mắt cũng cam/ Giúp đời cái nghĩa đáng làm nên hư nào ngại*. Những con người dám xả thân vì đại nghĩa đó đã hiện diện trong văn chương cụ Đồ Chiểu với một khí phách hào hùng, quả cảm.

Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên và cũng là người duy nhất xây dựng thành công hình tượng người nông dân yêu nước chống xâm lược trong văn học Việt Nam thời trung đại. Bằng những bài văn tế xuất sắc, ông đã tạo dựng tượng đài cho người nghĩa dân, những kẻ thuộc giai tầng hèn kém nhất trong xã hội. Bức chân dung ấy được dựng bằng một tấm lòng nhân hậu vô bờ, một sự ngưỡng mộ sâu sắc và một tài năng trác tuyệt. Ông đã đưa thể loại văn tế tiến những bước nhảy vọt. Người đương thời đánh giá rất cao văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu qua các bài văn tế này. Tùng Thiện vương Miên Thẩm đọc diếu văn của ông đã phải thốt lên:

Quốc ngữ danh tề Manh Tả sử
Quý hùng ca đáo Khuất Bình ai

(Đọc Diếu văn nghĩa dân tử trận của Nguyễn Đình Chiểu)

Lời của bậc vương giả so sánh văn chương Đồ Chiểu với những Tả Khâu, Khuất Nguyên - hai nhân vật lừng danh trong lịch sử văn hóa Trung Hoa cổ không phải là ngoa ngôn. Văn tài cũng như "thốn tâm đan" (tắc lòng son) mà Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện trong các bài văn tế xứng đáng được đề cao như vậy.

2.2. Truyện thơ nôm

Di sản truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu gồm 3 tác phẩm: *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*; *Dương Từ Hà Mậu* và *Lục Vân Tiên*. Đây là một con số rất ấn tượng bởi trong giới văn nhân nước ta thời trước, chỉ có hai người đạt đến con số này(1). Các truyện thơ của ông đều ở trong tình trạng không có di bản và cũng không thể xác định được thời điểm sáng tác cụ thể vào lúc nào.

Truyện *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (tên đầy đủ là *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*) dài tới 3642 câu lục bát, ngoài ra còn kèm thêm 21 bài thơ Đường luật, rất nhiều phụ chú, trích dẫn từ các sách thuốc cũ của Trung Quốc. Đây là tác phẩm về nghề thuốc, được diễn đạt dưới dạng vấn đáp cho sinh động, diễn ca cho dễ nhớ, dễ phổ biến. Toàn bộ những kiến thức y học, đạo lý nghề y được trình bày một cách khúc chiết, rành rẽ trên nền một tác phẩm văn học: câu chuyện hai người tầm sư học đạo nhằm mục đích cứu đời, cứu người. Bởi thế, có thể xem *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là một cuốn sách y - văn học. Cốt truyện tác phẩm này đặc biệt ở chỗ những yếu tố chuyên môn (y học) được lồng ghép hết sức khéo léo vào trong các sự kiện mang tính lịch sử, thể sự một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn. Điều lý thú nữa là mặc dù mang đầy đủ tính chất một giáo trình y học, thế nhưng dư âm của thực tại (hoàn cảnh lịch sử dân tộc những năm năm mươi, sáu mươi thế kỷ XIX) lại in dấu ấn rất rõ trên từng trang, từng dòng của tác phẩm.

Nhân vật chính trong tác phẩm là Mộng Thê Triền và Bào Tử Phục (những tên gọi có nhiều ẩn ý). Cuộc đời của họ thực sự là những ẩn dụ về nỗi khổ "vợ bida con riu". Mộng Thê Triền làm tiều phu núi Bạch Vân, mới 40 tuổi mà lấy vợ những 5 lần. Bốn đời vợ trước chết yểu, người thứ năm cũng đang lâm cảnh ốm đau bệnh tật đến cùng bản khôn khổ. Bào Tử Phục làm ngư ông ở Đông Xuyên, 30 tuổi, có 10 đứa con thì hữu sinh vô dưỡng đến 8 đứa. Hai kẻ bất hạnh về đường thân tử này gặp nhau, cảm thông cảnh ngộ của nhau và cùng phát nguyện đi tìm danh y học thuốc nhằm cứu mình và giúp đời. Qua môi giới của một người có tên Đạo Dẫn, họ gặp Kì Nhân Sư, một bậc thánh trong nghề thuốc. Ông thầy tài giỏi này có một lai lịch

thật ly kì: do quê nhà bị ngoại xâm, đất đai bị vua cắt bồi cho giặc nên mới tìm cách lánh mình, không cộng tác với kẻ thù. Không những thế, ông còn tự mình xông mù mắt để khỏi chứng kiến cảnh "sinh dân nghiêng nghèo", khỏi phải nhìn thấy "kẻ thù quân thân", tránh cái nhục làm tay sai cho giặc nước. Mặc dù khí khái như thế, nhưng Kì Nhân Sư lại chịu thu nhận hai vị Mộng và Bào làm đệ tử, đào luyện họ thành tài. Hai chàng về sau cũng nổi được nghiệp thầy, trở thành những danh y, giúp được nhiều người, bản thân vinh hiển.

Về phương diện văn học, *Ngư Tiều y thuật* vẫn đáp có nhiều điểm đáng lưu ý. Mặc dù câu chuyện được tác giả xác định thuộc thời xa xưa bên xứ Tàu với những tên người tên đất cụ thể nhưng thực ra thì mọi thứ đều là sự phóng chiếu từ thực tại Việt Nam. Tất cả đều không nằm ngoài sự ám chỉ triều Nguyễn đón hèn cắt đất Nam kì cho giặc Pháp sau hàng ước 1874, dẫn đến cảnh dân tình lục tỉnh ty nạn... Những nỗi niềm ưu tư của nhà thơ trước vận nước được gửi gắm qua những hình tượng mang tính ẩn dụ trong tác phẩm. Hình tượng Kì Nhân Sư trong truyện rất gần gũi với những trí thức Việt Nam chân chính, luôn quan tâm đến vận mệnh dân tộc, gắn bó mật thiết với cuộc sống của nhân dân. Vốn là người tài giỏi, Kì Nhân Sư quyết không đưa tài trí của mình ra phục vụ kẻ thù, không nỡ làm một kẻ sáng mắt ngồi nhìn sinh dân đau khổ; ông quyết làm mù mắt để giữ cái đạo sáng của mình:

Thà đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn có mắt ông cha không thờ
Thà đui mà khỏi danh nhơ
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình
Thà đui mà đặng trọn mình
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu

Thực ra thì quá trình tranh đấu nội tâm để chọn lựa cách xử thế của nhân vật Kì Nhân Sư cũng chính là tâm sự xót xa của Nguyễn Đình Chiểu: *Nói ra thì nước mắt trào/ Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi*. Trong *Ngư Tiều y thuật* vẫn đáp có rất nhiều những đoạn, những câu thơ mang dáng dấp tự thuật như vậy. Nỗi đau về một đất nước đã đời ngời đổi chủ hiện diện trong thơ ông thật là da diết, quặn thắt. Đây nào phải chuyện U Yên xa lạ đâu đâu, mà là chuyện nhân tiên nơi Nam kì lục tỉnh:

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông
Chúa xuân đâu hỡi có hay không

Mây giăng ải Bắc trông tin nhận
Ngày xé non Nam bật tiếng hồng
Bờ cõi xưa đà chia đất khác
Nắng sương nay há đội trời chung

Một trong những bất hạnh lớn của cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là ốm đau bệnh tật và ông thấm thía điều này hơn ai hết. Bởi vậy nên không phải ngẫu nhiên mà ông dành nhiều tâm sức để đúc kết những vấn đề thuộc về y lý, thuốc thang trong một tập sách đồ sộ như thế. Cũng chẳng phải tự dưng ông lại dành nhiều trang sách cho việc giảng giải về bệnh lý trẻ em và phụ nữ. Từ hoàn cảnh riêng của mình, ông nghiệm thấy trong cái thế giới đầy oan khổ, trong cái khối người đang cần được cứu mang này thì những kẻ đáng được bảo vệ trước nhất là trẻ em và phụ nữ. Đây là những tư tưởng mà các nhà nhân văn lớn của nhân loại, không kể dân tộc, thời đại, đều gặp nhau. *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* do vậy là một tác phẩm độc đáo và có tầm vóc tư tưởng đáng nể trọng.

Truyện *Dương Từ Hà Mậu* cũng là một tác phẩm có dung lượng rất lớn, dài tới 3456 câu lục bát; ngoài ra còn có 35 bài thơ Đường luật xương họa kèm thêm. Đây là câu chuyện về hai tín đồ tôn giáo (Cơ đốc giáo và Phật giáo) với những chuyến phiêu lưu đến cuối đất cùng trời để tìm lời giải cho nỗi hoài nghi lớn của mình. Chủ đề truyện là vấn đề tôn giáo, một trong những nguyên nhân tạo nên các cuộc xung đột gay gắt trong lịch sử dân tộc đoạn cuối thế kỷ XIX.

Hà Mậu là người theo cơ đốc giáo, vì hiếm con nên phải đi cầu cúng. Khi vợ mang thai, chàng lại nghi vợ bị quỷ ám và thế là phải tìm thầy cầu thuốc tiên để giải bệnh quỷ. Hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu cho hay vợ Hà sẽ sinh con gái. Quả nhiên sau đó vợ chàng sinh được hai gái (đặt tên Tuyết, Băng). Từ đó họ Hà có ý định tìm hiểu về đạo tiên.

Khác với Hà Mậu, Dương Từ theo đạo Phật. Vị Phật tử này cũng hiếm muộn con, phải cầu cúng mãi mới được hai trai (đặt tên Trân, Bửu). Dương Từ xuất gia, bỏ mặc vợ con nheo nhóc. Đến khi chán cảnh am vắng quạnh hiu, chàng bèn tìm đường vân du; sống nhờ hảo tâm của thiên hạ, cũng vì thế mà bị chê cười là người vô dụng.

Trên đường du ngoạn, họ Dương và họ Hà tình cờ gặp nhau tại chùa Linh Diệu. Hai chàng được Lão Nhan dùng phép thuật cho lên thiên đàng và xuống địa ngục để tìm hiểu về tôn giáo mà mình theo đuổi. Nơi thiên đàng, họ chỉ thấy có Khổng Tử và các môn đồ của bậc chí thánh chứ không hề gặp ai là kẻ đồng tôn giáo với mình cả. Ở địa ngục, họ gặp rất nhiều người, toàn những kẻ phạm tội trên dương thế đang phải thọ hình. Ngoài hạng người bất chính (thầy pháp, thầy thuốc, bà mụ, con buôn...), Dương Tử và Hà Mậu còn gặp cả những người chọn nhầm tôn giáo (theo đạo Giatô). Tất cả đều bị trừng trị bằng những hình phạt thảm khốc. Vừa được mục sở thị, lại nhận được nhiều lời khuyên bảo cải tà quy chính, hai người giác ngộ và quyết tâm từ bỏ đức tin để cải đạo. Trở lại trần thế, họ thành những môn đệ tốt của đức Khổng Tử. Hai họ Dương - Hà về sau thành thông gia và đời đời vinh hiển.

Với một câu chuyện như thế, mục tiêu mà nhà văn hướng đến qua *Dương Tử - Hà Mậu* là rất rõ. Nguyễn Đình Chiểu muốn tìm giải pháp cho bài toán tôn giáo đang được đặt ra một cách cấp bách vào thời điểm này. Lời giải mà tác giả đưa ra là phê phán các tôn giáo không gắn với vận mệnh của đất nước và cổ xúy cho một cái "đạo" có tính truyền thống của dân tộc Việt Nam: *đạo yêu nước*. Tác giả đã dùng hình tượng nghệ thuật để "giải thích" về sự huyền hoặc của Thiên chúa giáo, tính chất yếm thế, thụ động của Phật giáo và qua đó đề cao "đạo Ông Bà", "đạo Ta". Đây là cách thức giáo huấn, dùng văn học để thức tỉnh, thuyết phục những người mà theo nhà văn là "lỗi đạo", lầm lạc.

Thực ra, trong *Dương Tử - Hà Mậu*, khi coi Kitô giáo và Phật giáo là "tà đạo", cái căn cứ chủ yếu mà Nguyễn Đình Chiểu dựa vào chỉ là mối quan hệ của nó đối với cộng đồng, dân tộc. Chính vì thế mà ông đã đối lập các thứ "đạo Mọi", "đạo Tây", "đạo Xăng"... với *chính đạo* trên cơ sở trách nhiệm của con dân đối với đất nước. Và để cụ thể hóa điều này, ông "mượn" đạo Nho, đạo Thánh (Khổng Tử) - những khái niệm vốn rất quen thuộc đối với người Việt. Tuy nhiên, đầy thuần túy là những chuẩn mực đạo lý phổ biến; là thứ tư tưởng đã được cải biến, được Việt hóa thành ra một thứ "Nho giáo Việt Nam". Cái đạo này có nhiều điểm khác biệt (thậm chí có chỗ đối lập) so với Nho giáo nguyên thủy.

Truyện *Lục Vân Tiên* được coi là tác phẩm thành công nhất của Nguyễn Đình Chiểu ở thể loại truyện thơ Nôm. Đây là một trong những đỉnh

cao của văn chương cổ điển Việt Nam và chiếm giữ một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, người đọc dễ dàng nhận ra nhiều tình tiết có nét tương đồng với cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu. Bởi thế, có thể suy đoán truyện thơ này được sáng tác vào lúc nhà thơ đã bị mù. Qua một thời gian khá dài lưu hành trong dân chúng, năm 1864, một võ quan người Pháp (Gabriel Aubaret) đã sưu tập những bản chép tay rời rạc rồi sắp xếp lại và dịch ra tiếng Pháp, cho in lần đầu trên *Kỷ yếu châu Á*.

Lục Vân Tiên là câu chuyện về cuộc đời của chàng trai họ Lục, một bậc anh hùng nghĩa hiệp. Tác giả đã trình bày một cách đầy đủ, chi tiết quá trình học hành tu dưỡng, những bất hạnh phải nếm trải, mối quan hệ với mọi người... của chàng Vân Tiên. Qua tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu muốn nêu một bài học về đạo lý làm người, cách ứng xử trước những vấn đề cụ thể trong cuộc sống thường ngày. Có thể dễ dàng nhận ra ý đồ nghệ thuật của tác giả ngay từ những câu mở đầu thiên truyện:

Trước đèn xem truyện Tây Minh
Gẫm cười hai chữ nhơn tình éo le
Hỡi ai lẳng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước lành đề thân sau
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

Tác giả nói rõ: đây là chuyện "nhơn tình", chuyện đạo lý. Tuy nhiên cái đạo lý mà Nguyễn Đình Chiểu muốn truyền bá trong tác phẩm có một ý nghĩa phong phú hơn, biểu hiện của nó cũng sinh động hơn so với những khái niệm quen thuộc của Nho giáo. Chẳng hạn, tác giả có đề cập đến chữ trung, nhưng thực chất đó là trung hiếu, trung nghĩa, trung trinh. chứ không phải là "trung quân" theo nghĩa cương thường. Ngay cả việc tác giả để chàng Vân Tiên đi dẹp *giặc Ô Qua* theo mệnh vua thì mục đích chủ yếu vẫn là tạo điều kiện cho nhân vật chứng tỏ tài văn võ song toàn, thậm chí, chỉ là cái cớ để Vân Tiên - Nguyệt Nga sum họp là chính. Xét về bản chất, đây là hành động cứu khốn phò nguy, chống lại cái ác (giặc giã) - vốn là trách nhiệm của bậc anh hùng, trang hảo hán. Nói cách khác, *Lục Vân Tiên* là truyện thơ nhằm biểu dương cái thiện, là bài học về đạo lý làm người.

Bao trùm toàn bộ thiên truyện là tình cảm rạch ròi của nhà văn: yêu chính ghét tà, ngưỡng mộ những con người nghĩa hiệp và căm ghét cái xấu, cái ác. Thế giới trong truyện *Lục Vân Tiên* là đấu trường một mất một còn giữa đạo nghĩa và bất nghĩa, vô đạo đức. Trong đó, mọi hành vi của nhân vật đều nhắm đến mục tiêu thể hiện cái nghĩa khí, cái nhân nghĩa trong mỗi con người. Chính vì thế, ở đây không có sự phân chia thứ bậc, đẳng cấp khi làm việc nghĩa. Kẻ sĩ làm việc nghĩa theo bốn phận (đã đành), mà đến cả những kẻ hèn khó nhất cũng có những hành vi, nghĩa cử rất đáng trân trọng. Dường như Nguyễn Đình Chiểu có một sự dụng tâm nào đó ngay từ việc đặt tên các nhân vật trong truyện. Đối với những người dân bình thường nơi thôn dã, ông đặt tên họ theo lối "vô danh hóa" (ông Tiều, ông Ngư, Tiểu đồng...) để ngầm chỉ rằng họ là tầng lớp làm việc nghĩa đông đảo nhất, vô tư nhất; đến mức không thể nhớ hết, kể đếm hết. Nhân vật đạo đức trong *Lục Vân Tiên* đáng quý đáng yêu ở tâm lòng trong sáng, nhiệt thành hiếm thấy. Họ thường ra tay cứu khốn phò nguy như một lẽ tự nhiên, một việc tất yếu phải làm. Cái động cơ chi phối cách hành xử của họ là vì nghĩa: *Nhớ câu kiến ngãi bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*. Điều này trở thành nguyên tắc hoạt động cho mọi nhân vật trong truyện, cả nhân vật chính lẫn nhân vật phụ. Nhân vật Ông Quán chẳng hạn, đúng là một mẫu người khác thường bởi có quá nhiều dị biệt so với đồng nghiệp. Làm chủ quán nhưng không màng lợi lộc, tính tình hào phóng, khí khái, sẵn sàng giúp đỡ kẻ hoạn nạn mà chẳng tính gì đến việc có được đền đáp hay không. Đây chính là một trang nghĩa hiệp cải dạng thì đúng hơn. Hoặc nhân vật Tiểu đồng cũng thế. Xét về vị thế xã hội, con người này thuộc hàng thấp kém nhất (bởi đây là gia nhân, hạng tôi tớ, phận con đòi), thế nhưng nhân vật này lại có những biểu hiện vì nghĩa rất độc đáo. Tình cảm của Tiểu đồng đối với Vân Tiên đã vượt ra ngoài quan hệ chủ - tớ. Đây là cách ứng xử của những con người biết trọng đạo nghĩa.

Trong *Lục Vân Tiên* các nhân vật phản diện được xây dựng như một phép tương phản để tô đậm thêm vẻ đẹp đạo đức của các nhân vật chính. Các nhân vật phản diện, dưới những biểu hiện khác nhau (Trịnh Hâm: nhỏ nhen, thù vặt; Bùi Kiệm: dâm dục, tầm thường, đê tiện; nhà Thẻ Loan: lọc lừa, phản trắc; Thái sư: nham hiểm...) được thể hiện dưới một cái vỏ chung: bất nghĩa, bất nhân, là người xấu. Thái độ của Nguyễn Đình Chiểu đối với hạng người này là rất rõ ràng, quyết liệt. Ông dành những câu chữ nặng nề, gay gắt nhất để lên án, phê phán, không có bất cứ một chút khoan nhượng nào.

2.3. Nghệ thuật truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

Truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu có sức cuốn hút rất lớn đối với mọi người Việt Nam không chỉ vì những tư tưởng triết lý sâu sắc, lý tưởng nhân văn cao cả mà còn bởi giá trị nghệ thuật độc đáo của nó. Nét đặc sắc trong các tác phẩm nghệ thuật này được bộc lộ chủ yếu ở ba phương diện: cốt truyện mới mẻ, hình tượng nghệ thuật sinh động và ngôn từ có khả năng biểu đạt cao. Chính các yếu tố thuộc phương diện nghệ thuật, thi pháp thể loại đã khiến cho những câu chuyện đạo lý của ông có sức thuyết phục mạnh mẽ; trở thành lối truyện giáo huấn mẫu mực, điển hình.

Thực ra thì giáo huấn bằng văn chương, giáo huấn thông qua hình tượng nghệ thuật không phải đến Nguyễn Đình Chiểu mới có. Đây là một trong những chức năng chủ yếu của văn học trung đại. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là quy mô, tính hệ thống và mức độ tập trung của lối văn chương giáo huấn, luận đề trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu - một quy mô rộng lớn, toàn diện, một hệ thống chặt chẽ, thống nhất cao độ. Ông đã tạo ra được một phong cách nghệ thuật độc đáo của riêng mình.

Điểm sáng tạo đáng kể trước hết của Nguyễn Đình Chiểu là cốt truyện. Truyện thơ Nôm Việt Nam thường được hình thành theo lối chuyển thể, cải biên; nghĩa là trên cơ sở một cốt truyện tiền thân, người ta sẽ thay đổi cách thức diễn đạt để tạo nên một tác phẩm thuộc loại hình mới, vừa có đặc điểm truyện kể lại vừa mang tính chất của một tác phẩm thơ ca. Nhưng đối với Nguyễn Đình Chiểu thì khác. Truyện của ông, mỗi trường hợp là một sự sáng tạo riêng biệt về cốt truyện. Mặc dù mở đầu *Lục Vân Tiên* tác giả có viện dẫn ("Trước đèn xem truyện Tây minh") nhưng thực tế không hề có sẵn một tác phẩm nào tương tự như thế trong kho tàng văn chương Trung Quốc lẫn văn chương Việt Nam. *Lục Vân Tiên* là tác phẩm có cốt truyện theo dạng cổ tích (một sự mô phỏng cốt truyện cổ tích); *Dương Từ Hà Mậu* lại có cốt truyện theo lối phiêu lưu, viễn du hiện đại; cốt truyện *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* thì pha trộn nhiều dạng thức (với mô hình một cuộc đối đáp, trò chuyện)..

Cũng giống như mọi tác phẩm khác thuộc loại hình truyện thơ Nôm, cốt truyện của Nguyễn Đình Chiểu cũng được tổ chức theo mô hình quan hệ nhân - quả, kết thúc có hậu; số phận nhân vật được định đoạt theo nguyên tắc "ân trả oán đền". Đây cũng là đặc điểm chung của hầu hết tác phẩm văn học trung đại thuộc phương thức tự sự; không chỉ truyện thơ nôm mà cả sân

khẩu truyền thông, truyện cổ tích..., cũng có hiện tượng này. Hình thức, diễn tiến cái "hậu" có thể khác nhau (có khi do con người thực hiện, có khi phải cậy đến thần linh, nhờ những thế lực siêu nhiên trợ giúp, có lúc xảy ra nơi trần thế, lại có khi xảy ra nơi thiên đường, địa phủ...) song chung quy, cái âm vang chiến thắng của cái thiện và sự lụi tàn, diệt vong của cái ác là không thể thiếu. Điều này tồn tại như một nguyên tắc nghệ thuật. Lối tổ chức cốt truyện này vốn có căn nguyên sâu xa từ trong quan niệm nhân sinh của người Việt Nam. Cái triết lý "nhân" nào "quả" ấy, "thiện giả thiện báo ác giả ác báo" đã tác động trực tiếp đến quan niệm nghệ thuật của nhà văn và được thể hiện qua hệ thống các hình tượng. Đây đúng là một quan niệm đầy tinh thần lạc quan lành mạnh và vững chắc của nhân dân.

Nguyễn Đình Chiểu đã dùng các truyện của mình để lý giải và chứng minh tính tất yếu của quy luật nhân quả. Theo ông, giữa kết quả và nguyên nhân của mọi sự vật, hiện tượng ở trên đời này luôn có mối quan hệ qua lại, chế ước lẫn nhau rất chặt chẽ. Đối với con người, họa và phúc bao giờ cũng bắt nguồn từ chính trong hành vi ứng xử của mình. Tư tưởng này đã chi phối triệt để cách thức, nguyên tắc sáng tạo của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên mà trong các truyện thơ Nôm, ông luôn cố gắng để trình bày số phận nhân vật một cách hoàn chỉnh, trọn vẹn. Bởi vì khi kéo dài, mở rộng cuộc đời nhân vật, tác giả có điều kiện tốt nhất để chứng minh một cách thuyết phục quy luật nhân quả. Họa và phúc luôn có nguyên nhân, có quá trình chứ không hề ngẫu nhiên. Chẳng hạn ở *Lục Vân Tiên*, ngay đầu truyện ông đã nói rằng nhân vật Vân Tiên vốn là kết quả của một quá trình tu nhân tích đức: *Có người ở quận Đông Thành/ Tu hơn tích đức sớm sanh con hiền*. Sự ra đời của nhân vật này không đơn thuần là kết quả của hôn nhân mà còn do ứng nghiệm từ công quả tu dưỡng của bố mẹ. Có thể khái quát cuộc đời của Vân Tiên từ khi xuất hiện cho đến kết thúc câu chuyện là cả một hành trình khổ ải để bồi đắp cái đức của mình ngày mỗi cao dày hơn. Cũng chính vì thế mà chàng được báo đáp, được giúp đỡ. Sự báo bổ này không cần chờ đến phần kết truyện mà nó xảy ra liên tục trong thế sóng đôi với những bất hạnh. Sau mỗi khó khăn hoạn nạn, bao giờ Vân Tiên cũng được cứu giúp: bị thả vào rừng thì có du thần dẫn ra gặp ông Tiều, bị đẩy xuống sông thì có giao long dìu vào bờ để gặp nhà thuyền chài, mất bị mù thì có tiên ông cho thuốc ... Họa và phúc được trình bày như hai mặt đối lập nhau của cùng một sự kiện. Tinh thần lạc quan của Nguyễn Đình Chiểu, niềm tin vào cuộc đời, vào con người được bộc lộ rõ nhất ở đây: *Trong cơn bĩ cực thời lai/ Giữ mình cho trọn việc ai chớ sờn*. Nguyễn Đình Chiểu tuyệt vời biện chứng trong

quan hệ giữa bĩ và thái, giữa giữ mình và vì ai. Đây cũng là triết lý sống của nhân dân, chính xác và giản dị như chân lý. Tác giả khép lại câu chuyện bằng một viễn cảnh thật huy hoàng, trong đó những con người đức độ, có nhân nghĩa sẽ nối nhau làm chủ trên mặt đất này: *Trăm năm biết mấy tinh thân/ Sinh con sau nối gót lân đời đời*. Đây là lối kết thúc có hậu đặc sắc bởi nó tạo được sự hô ứng với lai lịch của nhân vật chính trong phần đầu câu chuyện. Nó là lời khẳng định sự ngự trị vĩnh viễn của cái thiện, cái nhân nghĩa, cái đạo lý. Giữa "tiên thân" và "hậu thân" của nhân vật luôn có sự tiếp sức liên tục. Nó chứng tỏ một nguyên lý: sự sống trên thế gian này chính là sự tiếp nối thiêng liêng của điều thiện, của lòng nhân. Đây là quy luật muôn đời.

Các nhân vật làm điều ác trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu rút cuộc đều phải chịu trừng phạt, không loại trừ ai. Nhưng có một điểm đáng lưu ý là các hình phạt đối với kẻ bất nghĩa đa số đều liên quan đến hình thức gây thù oán của chúng. Tác giả xử lý vấn đề này một cách nhất quán, triệt để. Ông cố ý nhắc lại các dấu hiệu của sự kiện là nhằm để nhấn mạnh tính tất yếu của sự báo ứng, trừng phạt. Đây cũng là cách để làm nổi rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Rõ ràng là khi nhắc lại một số chi tiết như một hình thức hồi cố thì cái triết lý nhân quả sẽ nổi lên quyết liệt, riết róng hơn. Cách xử lý nghệ thuật như thế không phải ở truyện thơ nôm nào cũng có.

Hình thức trừng phạt ở các truyện của Nguyễn Đình Chiểu khá độc đáo. Có cảm giác ông né tránh, không muốn để con người tham gia trực tiếp vào chuyện báo thù. Và vì thế ông tìm đến những giải pháp thật kì khôi. Chẳng hạn mẹ con Thẻ Loạn bị hai con cọp chặn đường, nhưng khác với tập tính giống loài của dã thú, hổ phải cõng người vào hang, lấy đá lấp hang, xong đầu đầy mới bỏ đi. Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, hình phạt mà tội nhân phải chịu bao giờ cũng liên quan đến hành trạng lúc trước của chúng: Lão Đậu, một kẻ dốt nát trong khoa trị liệu bệnh đậu mùa "hai đời gây nợ oan gia để dồn" thì bị trừng trị bằng cách để cho lũ âm hồn "kéo đầu đòi mạng lấy cơn khổ đầu" (câu 3112). Lão Cứu hành nghề châm cứu, tham tiền làm ẩu (đây là điển hình cho loại thầy thuốc mà tác giả gọi là "quá cha giặc mùa") thì bị "kim châm lừa đốt nát da". Lão Tam Sao làm nghề bào chế, sao tẩm thuốc, cũng là một tay đạo tặc trong chôn y lâm; cái tội của lão ngoài sự tráo trở bót xén, còn là lừa đảo, là kẻ "miệng lưỡi già", đem "cây lá tầm phào" lừa mị dân chúng... Với tội danh ấy, lão bị "quay chân và miệng trả

khi già hàm" (câu 3238). Bọn thầy pháp, thầy thuốc cao... đều bị xử theo nguyên tắc như thế. Còn ở truyện *Dương Từ - Hà Mậu*, ông lại tạo ra một cảnh địa ngục lạ lùng nhất trong văn chương Việt Nam để trừng phạt kẻ xấu. Truyện thơ nôm Việt Nam có một số tác phẩm nói chuyện địa ngục, song không có tác phẩm nào trình bày được đầy đủ, chi tiết, sinh động với quy mô lớn, ý nghĩa triết lý sâu sắc như trong truyện này. Cái đại pháp trường được dựng nên ở đây là nhằm để xử tất cả mọi tội nhân trên dương thế. Điều cốt yếu mà Nguyễn Đình Chiểu muốn trần tình với mọi người qua cảnh tượng âm ty rùng rợn này là: kẻ làm điều ác nhất định sẽ phải trả giá; những hành vi nhơ nhớp, tội lỗi dù xảy ra ở đâu, vào lúc nào cũng không thể lẩn tránh, che đậy được.

Nguyễn Đình Chiểu tỏ ra rất có ý thức trong việc sáng tạo cốt truyện mới (yếu tố cốt lõi của một tác phẩm thuộc loại hình truyện kể). Ông đã bước qua giới hạn của quy phạm thể loại (truyện thơ Nôm) một cách tự tin. Có thể xem đây như một sự thể nghiệm, một bước cách tân đáng kể của nhà văn ở phương diện hình thức thể loại. Trên nền tảng cốt truyện này, tác giả đã xây dựng một thế giới nghệ thuật đặc thù, thế giới của những giá trị đạo đức.

Nguyễn Đình Chiểu dồn nhiều công sức hơn cả cho việc xây dựng hình tượng nhân vật. Điều đặc biệt ở đây là chúng gần như được đồng nhất với các khái niệm thuộc phạm trù đạo đức; trở thành các biểu tượng đạo lý. Phẩm chất đạo đức trở thành cái chuẩn, cái khuôn thước để nhà văn sáng tạo nên nhân vật. Điều này thể hiện một cách nhất quán trong cả ba tác phẩm.

Nhân vật trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu sống và hoạt động vì những lý do đạo đức, do vậy cái đẹp của chúng cũng khác so với các truyện thơ nôm cùng loại. Thông thường trong truyện thơ nôm, tài và sắc của các cặp giai nhân tài tử là yếu tố chi phối sự vận động của câu chuyện, là "thế năng" của tác phẩm. Cũng vì thế mà các tác giả phải dồn bút lực vào đây để mô tả ngoại mạo, phẩm chất của họ. Khác với lệ thường đó, Nguyễn Đình Chiểu không quá tập trung vào điều này. Chẳng hạn truyện *Lục Vân Tiên*, mặc dù Nguyệt Nga là một giai nhân và Vân Tiên là một anh tài nhưng ở đây vai trò của tài, sắc đối với sự phát triển của câu chuyện không phải là quan trọng nhất. Sự gặp gỡ của họ không phải do tài sắc tương cảm mà nên. Nguyệt Nga cảm mến Vân Tiên trước hết (và chủ yếu) là do nghĩa khí, đức

độ của chàng; còn Vân Tiên đến với Nguyệt Nga cũng không hẳn vì sắc đẹp mà vì tấm lòng chung thủy (cũng là vì nghĩa). Ngay đến điều kiện gặp gỡ tiếp xúc của họ cũng vậy. Hai người gặp nhau trong một cảnh huống hết sức đặc biệt: cảnh cướp bóc hỗn loạn. Vân Tiên, trong vai trò một bậc nghĩa hiệp cứu người, sau khi đã "đẹp xong lũ kiến chòm ong", việc đầu tiên cần làm là quan tâm đến nạn nhân. Một loạt câu hỏi được nêu ra: *Hỏi ai than khóc ở trong xe này?/ Tiểu thư con gái nhà ai?/ Đi đâu đến nỗi mang tai bất kì?/ Chẳng hay tên họ là chi?/ Khuê môn phận gái việc gì đến đây?...* Những lời thăm hỏi này không có chút gì hơi hướng tình ái mà là ứng xử hợp lẽ, kịp thời theo đạo lý. Yêu tố tài sắc trong trường hợp này không có ý nghĩa quyết định tới câu chuyện. Nguyễn Đình Chiểu coi cái đẹp ở bình diện đạo lý đạo đức, cái đẹp nội tâm quan trọng, cao quý hơn cái đẹp hình thể. Chính vì thế mà những phẩm chất "bên trong", đời sống tinh thần của nhân vật đã trở thành phương tiện chủ yếu để tạo động lực phát triển của câu chuyện.

Mục tiêu truyền bá đạo lý, đạo đức đã chi phối một cách triệt để mọi biện pháp nghệ thuật, khiến đôi lúc tác giả bất chấp logic thông thường để dựng lên những hình tượng nhân vật thật lạ lùng. Chẳng hạn các nhân vật trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Trong truyện này, ngay tên nhân vật đã khác thường. Chúng được gọi bằng những cái tên riêng thật ấn tượng: *Mộng Thê Triền, Bào Tử Phước, Kì Nhân Sư, Hương Thanh Phong, Ảnh Minh Nguyệt...* Ông đã biến nhân vật thành các biểu tượng và qua đó gợi ý để người nghe liên tưởng, hình dung về nhân phẩm của chúng. Các nhân vật ở đây được hình dung hoàn toàn dưới góc độ đạo lý. Hiện tượng này không phải là phổ biến trong văn học Việt Nam.

Trong cách tạo dựng mối quan hệ giữa các nhân vật, Nguyễn Đình Chiểu thường chú trọng khai thác, cố ý nhấn mạnh nguyên tắc đạo lý trong ứng xử, giao tiếp. Giữa vô vàn sự việc diễn ra, tác giả lọc lấy những chi tiết, sự việc mà ở đó, nhân cách của chúng được hiển lộ rõ nhất. Cảm hứng đạo đức đã khiến nhà văn cho nhân vật của mình hành xử theo cái logic mà nếu xét xeo những chuẩn mực thông thường ngoài đời thì khó lòng được chấp nhận. Nhân vật Kim Liên (trong *Lục Vân Tiên*) chẳng hạn, ngay sau cơn hoạn nạn, khi phải trả lời câu hỏi (*Ai than khóc ở trong xe này?*) thì lời đầu tiên là: *Thưa rằng tôi thiệt người ngay* (LVT.139). Câu giải bày chẳng ăn nhập gì với câu hỏi, song lại rất hợp lý. Nàng phải vội vã phân trần "thiệt người ngay" bởi sợ hiểu nhầm thành kẻ gian. Người hầu gái ấy đã dùng phẩm chất "người ngay" của mình làm thứ đảm bảo giá trị duy nhất cho lời nói. Hoặc

tình tiết Nguyệt Nga vẽ tượng Vân Tiên cũng vậy. Chuyện thật khó tin bởi trước đó Nguyệt Nga chỉ mới "liếc nhìn" chàng trong chốc lát, trong cảnh lúng túng vội vàng sau lúc thoát nạn; ấy thế mà nàng có thể "*Làu làu một tấm lòng thành/ Vẽ ra một bức tượng hình Vân Tiên*" (LVT.254). Thực ra thì logic của vấn đề không phải ở năng lực hội họa mà là "tấm lòng thành" của Nguyệt Nga. Nàng là kẻ chịu ơn và theo đạo lý thì bổn phận của nàng là khắc cốt ghi lòng cái ơn sâu đó. Bức "tượng hình" là biểu tượng của sự tri ơn, là tấm lòng thành của nàng. Nó được tạo ra nhờ sự tương cảm về đạo đức. Chi tiết nghệ thuật này do vậy, vẫn rất chân thực.

Các nhân vật trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu luôn được đặt trong những tình huống đặc biệt, những thời điểm cần đến sự quên thân vì nghĩa của họ. Mỗi quan tâm hàng đầu của tác giả là làm sao tạo điều kiện để nhân vật có thể bộc lộ phẩm chất đạo đức (hoặc vô đạo đức) mà thôi. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua việc so sánh vài trường hợp cụ thể.

Hầu hết các truyện thơ nôm (loại truyện diễm tình, giai nhân tài tử) đều có môtip gặp gỡ trai tài gái sắc. Không có "tiền đề" mấu chốt này thì sẽ chẳng có gì hết. Tuy vậy, mỗi tác giả lại có cách xử lý tình huống riêng (điều này do nhiều nguyên nhân chi phối). Thông thường, các cặp trai tài gái sắc kia được bố trí xuất hiện trong những khung cảnh gợi tình, lãng mạn. Riêng Nguyễn Đình Chiểu trong *Lục Vân Tiên* lại xử lý khác hẳn. Ông để cho Vân Tiên và Nguyệt Nga gặp gỡ nhau trong một cảnh đánh cướp (!). Không thể nói đây là khung cảnh của tình yêu mà phải gọi là màn "kì ngộ" của các số phận. Tác giả dựng tình huống này chính là dành cho những người nghĩa khí, trung tín. Cái đẹp của nhân vật Vân Tiên là sự cao thượng, vô tư. Chàng chia tay với Nguyệt Nga nhẹ nhõm, thanh thản, lòng không chút vướng bận. Trong khi trái lại, cái nét hạnh của Nguyệt Nga quý báu ở chỗ không bao giờ quên được nỗi niềm ân nghĩa. Cái logic trong hành xử mà các nhân vật phải tuân thủ ở đây là: đã làm việc nghĩa thì không cầu lợi, đã chịu ơn thì phải biết ơn, không thể phụ bạc.

Trung thành với nguyên lý này, Nguyễn Đình Chiểu đã mô tả hành động của nhân vật theo một cách thức riêng. Chẳng hạn hành động nhảy xuống biển tự tử của nàng Nguyệt Nga khi bị ép công Phiên bang. Một biến cố quan trọng như thế mà ông chỉ nói gọn trong mỗi một câu: *Than rồi lấy tượng vai mang/ Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy ngay* (LVT.1490). Trong khi cũng cảnh ngộ tương tự, thuật chuyện nàng Kiều trầm mình ở

sông Tiền Đường, Nguyễn Du đã dựng nên cả một cơn bão tố nội tâm. Trước khi "đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang", Kiều đã làm một cuộc rà xét lại toàn bộ cuộc đời: nghĩ đến cha mẹ, xót cho mối tình đầu, day dứt vì cái chết của Từ Hải, nhục nhã vì bổng chốc trở thành kẻ phản trắc, hoang mang vì ám ảnh Đạm Tiên... Tâm trạng nhân vật ngổn ngang muôn mối. Thành thử, trước khi đắm mình giữa trùng trùng sóng bạc Tiền Đường, Kiều đã "chìm" vì cạn kiệt sức lực. Nhân vật Nguyệt Nga của Nguyễn Đình Chiểu được trình bày theo một nguyên tắc khác. Trước hết, nàng là nhân vật của truyện kể; nhà văn không thể "giữ" nàng lâu trong mạch tiến triển tâm trạng. Bởi nếu tập trung vào phân tích nội tâm thì mạch vận động câu chuyện sẽ bị cản trở. Nhưng quan trọng hơn, vai trò của Nguyệt Nga là phải chứng tỏ cho được nguyên tắc ứng xử *chịu ơn - trả ơn* của một con người có đủ đức nhân. Từ ý thức về sự đền đáp mà nàng tự nguyện gắn kết đời mình với chàng. Kể từ khi nàng phát nguyện (ở nơi gặp gỡ): "trăm năm cho vẹn chữ tòng" thì cuộc đời nàng đã thuộc về Vân Tiên. Đây là phép xử thế của kẻ trọng phu, coi trọng nghĩa khí. Kẻ sĩ khi chịu ơn ai thì dám đem cả mạng sống của mình ra mà báo đáp. Đó cũng là nguyên do nàng đứng ra làm tuần chay cúng Vân Tiên; tức là bước chuẩn bị để "xuống chôn cửu tuyền thấy nhau". Nàng đã làm mọi chuyện trong tâm thế xem mình ra đi vĩnh viễn. Nàng nói: "*Thân con về nước Ô Qua/ Đã đành một nỗi làm ma đất người*" (LVT.1474). Như vậy, màn tự tận ở Hàn Giang chỉ là vấn đề thời điểm mà thôi. Tác giả không dành nhiều thời gian, câu chữ để cắt nghĩa, mô tả tâm trạng là vì thế.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là câu chuyện về "con người đạo đức". Quan niệm này đã chi phối trực tiếp đến việc sáng tạo, sắp xếp, tổ chức không gian, hoàn cảnh, những yếu tố có tính chất hỗ trợ khác trong truyện. Không gian, thời gian luôn được trình bày theo nguyên tắc đảm bảo các điều kiện để nhân vật có thể bộc lộ phẩm chất của mình một cách thuận lợi nhất. Cũng vì vậy mà chất "phiêu lưu - xứ lạ" trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu rất phong phú. Nhân vật thường được đặt vào tình huống phải di chuyển, phải trôi dạt từ nơi này đến nơi khác. Nếu lập một lược đồ hành trình của nhân vật, ta không khỏi ngạc nhiên bởi nó quá rắc rối, kì bí. Mọi biến cố, mọi sự kiện quan trọng đều xảy ra trên đường đi, trong quá trình di chuyển. Con đường mà nhân vật chính trải qua trong truyện rất hiếm khi nối liền các trang viện, lầu gác mà thường là phải băng qua truông dài phá rộng rừng thẳm hang sâu, những chốn phiêu bồng lạ lẫm... Ưu thế không gian

hành động trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu là rất trội bật. Một không gian huyền bí, đậm màu cổ tích, hoang sơ thuần phác: *Trái bao dẫu tho đường dê/ Chim kêu vượn hót bốn bề núi non* (LVT.250); *Lại xem dặm liễu đường hòe/ Tin ong ngợ ngác tiếng ve vang đây* (LVT.338); *Qua truông rồi lại qua đèo/ Dế kêu dăng dỏi sương gieo lạnh lòng* (LVT.1646); *Ôi thôi bốn phía đều rừng* (LVT.1808); *Hoa bay nước chảy mấy chùng/ Bóng tùng che núi như vừng long xây/ Chim kêu vượn hú vang đây/ Hiu hiu gió thổi lá cây reo mừng* (DTHM.74). *Tới nơi vân động gần trên mây rừng* (DTHM.983); *Tới nơi vân động nửa trên trăng trời* (DTHM.1074)... Không thể tìm thấy trong các truyện một đoạn nào miêu tả khung cảnh đền đài nội thất, dinh thự một cách đầy đủ, chi tiết; mặc dù câu chuyện có đề cập hầu khắp mọi nơi trần thế: phủ đường quan huyện, trang trại phú gia, thậm chí cả quang cảnh triều đình... Hầu như mọi đoạn miêu tả cảnh vật đều hướng đến những nơi thoáng đăng, hùng vĩ, nguyên sơ, bí hiểm.

Trong một bối cảnh như vậy, rõ ràng con người phải bộc lộ mình bằng khí phách, bằng sự can trường quả cảm. Họ luôn phải hành động, phải di chuyển không ngừng, phải liên tục phiêu dạt từ nơi này đến nơi khác. Hiếm có nhân vật truyện thơ nôm nào lại được miêu tả "hành động đi" một cách vội vã, liên tục như chàng Vân Tiên; các nhân vật Mộng Thê Triền, Bào Tử Phược, Dương Từ, Hà Mậu... còn lang bạt "ghê gớm" hơn, thậm chí lên cả cõi trời, xuống tận địa phủ.

Độc đáo nhất trong số các hình tượng không - thời gian của Nguyễn Đình Chiểu chính là cảnh địa ngục trong truyện *Dương Từ - Hà Mậu*. Tác giả dành hơn bảy trăm câu lục bát, chiếm một phần đáng kể trong tác phẩm để miêu tả cảnh địa ngục. Trong quan niệm dân gian, cõi âm là thập điện diêm vương. Nguyễn Đình Chiểu cũng dựng cảnh âm phủ đúng con số 10 (cửa) với những tấm biển đề: *Bia đề hai chữ Hoàng Tuyền* (DTHM.1531); *Đao San Địa Phủ chữ vàng* (DTHM.1627); *Bia đề rằng: Nại Hà Kiều* (DTHM.1672); *Hoàng Sa hai chữ bia đề* (DTHM.1701); *Bia đề rằng Quỷ Môn Quan* (DTHM.1727); *Bia đề rằng Uông Tử Thành* (DTHM.1759)... Không gian ở đây không phân thành tầng lớp, cửa trên cửa dưới như ở cõi trời mà được rải ra trên một mặt phẳng theo thứ tự: *Giết đi hoàn lại lòng thông/ Ngục này hết phép lại vòng ngục kia* (DTHM.2000). Sự sắp xếp này bị chi phối bởi ý định răn đe những kẻ bất lương bất nghĩa, khiến chúng phải khiếp sợ trước các hình phạt trùng trùng không dứt. Điều này có khác so với địa ngục trong *Thần khúc* của Dante. Địa ngục của Dante là những cái hố

sâu nối nhau theo trình tự nhất định. Trong khi đó, tội nhân của Nguyễn Đình Chiểu lại phải trải qua những kiếp trừng phạt luân hồi, phải trải qua tất cả các cửa. Kể phạm tội bị trừng phạt không phải một lần. Kể cả khi đã trải qua hết mọi nhục hình thì còn phải lộn lại, đầu thai làm súc vật để tiếp tục chịu đày ải.

Cõi âm theo quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu là một đại pháp trường. Đây là một vương quốc tăm tối, không có ánh sáng, không có hình khối, đường nét: *Mờ mờ một cõi quan san/ Mây sào gió thảm chàng ràng trêu người* (DTHM.1514). Nổi bật ở đây là âm thanh ghê rợn của quỷ sứ, của tội nhân. "Không gian trừng phạt" ở *Dương Từ - Hà Mậu* được chuyển dịch từ những ấn tượng của tác giả về chính nơi trần thế mà ra. Nó có dáng dấp một xứ sở lưu đày nào đó trên mặt đất. Tính chất quái đản, dị thường của nó bị giảm nhẹ đi nhiều bởi những chi tiết của cuộc sống trần thế: thành lũy, cầu quán, chợ búa, rừng núi, xóm làng...

So với một số truyện nôm khác (*Phạm Tải Ngọc Hoa, Phạm Công Cúc Hoa...*) trong *Dương Từ - Hà Mậu*, thế giới cõi âm được hình tượng hóa thành một thế giới quy mô rộng lớn, tính chất đa dạng hơn rất nhiều. Hình phạt đặt ra thì hết sức khốc liệt, nhưng khung cảnh pháp trường thì rất quen thuộc, dễ hình dung. Điều này cũng có tác dụng làm tăng tính thuyết phục của triết lý báo đáp. Việc không tách bạch cõi âm và dương thế gợi nhắc tới những chương họa có thể trực quan được hàng ngày. Việc kéo gần lại khoảng cách giữa thế giới hoang đường và hiện thực bằng cách bài trí cảnh quan theo mô hình hiện thực, hoặc gán cho thần linh, loài vật một số đặc điểm tính cách con người... đều xuất phát từ quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Cái cõi rã của cuộc sống con người nằm ở nơi trần thế, còn thiên đường, địa ngục chỉ là những miền hư ảo, không dung nổi cuộc sống con người. Sự gửi gắm niềm tin vào những miền cực lạc mà tôn giáo hứa hẹn chỉ là phù phiếm. Dương, Hà đã làm một cuộc viễn du "kép" theo hai hướng ngược nhau; một cuộc viễn du của thân xác đi đến các cõi, và một chuyến hành trình ngược lại của tư tưởng (từ thiên đường, địa ngục hoang tưởng quay trở về với đức tin cộng đồng).

Có thể nói, việc coi con người đồng nghĩa với các giá trị đạo đức, lấy đó làm nguyên tắc của hoạt động sáng tạo, đồng thời trình bày chúng một cách đầy đủ, hệ thống, đầy sức thuyết phục là một cống hiến quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu. Hiếm có nhà văn nào lại tập trung toàn bộ tài năng,